

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 28/02/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Tuyết Mai.**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - + Ông Tô Đình Trị.
 - + Ông Nguyễn Công Phúc.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Quốc** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Tám** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 18/02/2019, đối với bị cáo:

Công Văn K Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh năm 1970, tại Thăng Bình, Quảng Nam;
Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 03, Thôn T, Xã B, Huyện T, Tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Thợ hồ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ văn hóa: 08/12; Cha: Công Văn T (chết); Mẹ: Lê Thị Q (chết); Gia đình có bốn anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ Nguyễn Thị Ú (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969.

Trú tại: Tổ 9, Thôn B, Xã B, Huyện T, Tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Nguyễn C, sinh năm 1949.

Trú tại: Tổ 9, Thôn B, Xã B, Huyện T, Tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

- Nguyễn Tấn K, sinh năm 1982. Vắng mặt.

- Lê Thị N, sinh năm 1952. Có đơn xin vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 9, Thôn B, Xã B, Huyện T, Tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21h15' ngày 24/11/2018, Công Văn K điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 92H1-067.40 (Xe này bà Nguyễn Thị Ú) đến nhà ông Nguyễn C, sinh năm 1949. Trú tại: Tổ 9, B, Bình Phục, Th, Quảng Nam để gặp bà Ú (vợ đã ly hôn của K). Khi K đang nói chuyện với bà Ú tại khu vực nhà bếp của ông C thì K nhìn thấy xe mô tô BKS 92H1-598.66 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Janus, màu sơn tím hồng của chị Ú dựng tại đây. Lúc này K nói với bà Ú “sao lên Facebook liên tục, hạnh phúc quá nhỉ” bà Ú nói lại “ông đừng có nhiều chuyện, tôi muốn làm gì thì làm”; K liền nói lại “bà nói là tôi đập hết xe chừ”. Nghe K nói vậy nên bà Ú không nói gì mà bỏ đi lên nhà trên. K liền đến khu vực bếp nhà ông C lấy 01 con dao (loại dao Thái Lan, cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại màu trắng) đâm, cắt nhiều cái vào yên xe, lốp xe. Trong lúc K dùng dao đâm, cắt yên và lốp xe làm lưỡi dao bị gãy nên K vút dao và lấy 01 cái búa đóng đinh (cán bằng nhựa, đầu búa bằng kim loại) tiếp tục đập phá vào nhiều vị trí trên xe BKS 92H1-598.66. Thấy vậy ông C đến can ngăn nhưng K vẫn không dừng búa đập xe nên ông C điện thoại báo Công an đến giải quyết. Nhận được tin báo, Công an huyện T đến nhà ông C lập biên bản ghi nhận nội dung vụ việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG ngày 05/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận xe mô tô BKS 92H1-598.66 bị thiệt hại 2.862.500 đồng.

Về dân sự: Bị cáo Công Văn K đã sửa chữa, thay thế mới các bộ phận hư hỏng trên xe mô tô BKS 92H1-598.66. Bà Nguyễn Thị Ú bãi nại về dân sự và không có yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ: 01 xe mô tô BKS 92H1-598.66 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Janus, màu sơn tím hồng. 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 92H1-598.66. 01 con dao thái lan đã gãy cán, phần lưỡi bằng kim loại trắng sáng, dài 14,3cm, băng rộng nhất 3,3cm, cán nhựa màu đen dài 9,5cm, chuôi cán rộng 3cm. 01 búa đinh dài 33,5cm, phần đầu búa bằng kim loại dài 13,5cm, cán búa bằng nhựa dài 28,5cm.

Hiện cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả cho bà Nguyễn Thị Ú: 01 xe mô tô BKS 92H1-598.66 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Janus, màu sơn tím hồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 92H1-598.66.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Công Văn K về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện T giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Công Văn K về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 178 BLHS, các điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt Công Văn K từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng, giao bị cáo về UBND xã B, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015 tuyên: Trả lại cho ông Nguyễn C 01 con dao Thái Lan đã gãy cán, phần lưỡi bằng kim loại trắng sáng, dài 14,3cm, bảng rộng nhất 3,3cm, cán nhựa màu đen dài 9,5cm, chuôi cán rộng 3cm; 01 búa đinh dài 33,5cm, phần đầu búa bằng kim loại dài 13,5cm, cán búa bằng nhựa dài 28,5cm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện T, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

{2} Về căn cứ buộc tội: Bị cáo K khai nhận: Khoảng 21h15' ngày 24/11/2018, tại nhà ông Nguyễn C, sinh năm 1949. Trú tại: Tổ 9, B, Bình Phúc, T, Quảng Nam, Công Văn K có hành vi dùng dao Thái Lan có lưỡi bằng kim loại và búa đinh đập phá làm hư hỏng nhiều bộ phận của xe mô tô BKS 92H1-598.66 của chị Nguyễn Thị Ú làm thiệt hại 2.862.500 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, biên bản sự việc và vật chứng thu giữ được. Như vậy, hành vi dùng dao Thái Lan có lưỡi bằng kim loại và 01 búa đinh đập phá làm hư hỏng nhiều bộ phận của xe mô tô BKS 92H1-598.66 của chị Nguyễn Thị Ú làm thiệt hại 2.862.500 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng y) của Công Văn K đã phạm tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*" theo khoản 1 Điều 178 BLHS như bản Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

{3} Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

{4} Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng;

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

{5} Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện hưởng án treo và xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là thỏa đáng.

{6} Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015 tuyên: Trả lại cho ông Nguyễn C 01 con dao Thái Lan đã gãy cán, phần lưỡi bằng kim loại trắng sáng, dài 14,3cm, bảng rộng nhất 3,3cm, cán nhựa màu đen dài 9,5cm, chuôi cán rộng 3cm. 01 búa đinh dài 33,5cm, phần đầu búa bằng kim loại dài 13,5cm, cán búa bằng nhựa dài 28,5cm.

{7} Về án phí: Bị cáo Công Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Công Văn K phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Công Văn K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo về UBND xã B, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015 tuyên: Trả lại cho ông Nguyễn C 01 con dao Thái Lan đã gãy cán, phần lưỡi bằng kim loại trắng sáng, dài 14,3cm, bảng rộng nhất 3,3cm, cán nhựa màu đen dài 9,5cm, chuôi cán rộng 3cm. 01 búa đinh dài 33,5cm, phần đầu búa bằng kim loại dài 13,5cm, cán búa bằng nhựa dài 28,5cm.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Công Văn K phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng y*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam.
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- VKS huyện T.
- THADS huyện T.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Quách Thị Tuyết Mai